

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 09-3-2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Nam

2. Bà Mai Thị Nhắc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thư Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 397/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị Thu P**, sinh năm 1987. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Thị, xã Hương Mỹ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến T: Ấp T, xã H, huyện N, tỉnh B. Địa chỉ liên L1: Số X ấp L B, xã H, huyện Lai VunVg, tỉnh Đ (vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh **Diệp Minh L**, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện N, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản khai chị Phạm Thị Thu P trình bày:

Chị P và anh L quen biết, tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã xã H, huyện N, tỉnh B, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/5/2010. Sau khi thành hôn vợ chồng sống cùng gia đình chồng tại ấp T, xã H, huyện N, tỉnh B, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khi chị P sinh cháu Diệp P T thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan

điểm sống dẫn đến thường xuyên cự cãi. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, đến năm 2022 thì chị P về sống cùng cha mẹ ruột cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị P xin ly hôn với anh L. Về con chung: Có hai con chung là Diệp P T, sinh ngày 10/8/2012 và Diệp Thường L1, sinh ngày 12/6/2016, hiện hai con đang sống cùng anh L, chị P đồng ý để anh L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung sau khi ly hôn, chị P không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/02/2023 anh Diệp Minh L trình bày:

Anh L thống nhất với lời trình bày của chị P về điều kiện tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn, thời gian chung sống, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Anh L đồng ý ly hôn với chị P. Về con chung: Anh L đồng ý tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Diệp P T, sinh ngày 10/8/2012 và Diệp Thường L1, sinh ngày 12/6/2016 sau khi ly hôn, anh L không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm cho rằng: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Thu P, cụ thể: Chị Phạm Thị Thu P được ly hôn với anh Diệp Minh L. Về con chung: Anh L được quyền nuôi hai con chung là Diệp P T, sinh ngày 10/8/2012 và Diệp Thường L1, sinh ngày 12/6/2016, chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Thu P đối với anh Diệp Minh L thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Anh Diệp Minh L có nơi cư trú tại xã H, huyện N, tỉnh B. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý đúng thẩm quyền.

[1.3] Chị Phạm Thị Thu P và anh Diệp Minh L có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị P và anh L theo quy định tại các Điều 207, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Thu P và anh Diệp Minh L tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh B nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

[2.2] Chị P cho rằng hôn nhân giữa chị và anh L không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh L. Theo chị P trình bày thì nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh chị mạnh ai nấy sống, không thể hàn gắn tình cảm được. Tại biên bản lấy lời khai thì anh L trình bày ý kiến đồng ý ly hôn với chị P. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P đối với anh L là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về con chung: Chị P và anh L có hai con chung là Diệp P T, sinh ngày 10/8/2012 và Diệp Thường L1, sinh ngày 12/6/2016, hiện đang sống cùng anh L. Chị P và anh L thống nhất anh L là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung khi ly hôn. Khi được Tòa án hỏi ý kiến thì cháu Diệp P T có nguyện vọng được sống cùng anh L khi anh L và chị P ly hôn. Anh L cũng đảm bảo tốt việc nuôi dưỡng con, các con cũng đã thích nghi với môi trường sống và với việc chăm sóc, giáo dục của anh L. Do đó, để đảm bảo sự phát triển của cháu Diệp P T và Diệp Thường L1 cả về thể chất lẫn tinh thần, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị P, giao con chung là Diệp P T và Diệp Thường L1 cho anh L trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh L không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[2.5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị P và anh L thống nhất trình bày không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Chị P là người khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Thu P, cụ thể:

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Thu P được ly hôn với anh Diệp Minh L.

2. Về con chung: Giao con chung là Diệp P T, sinh ngày 10/8/2012 và Diệp Thường L1, sinh ngày 12/6/2016 cho anh Diệp Minh L trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận anh Diệp Minh L không yêu cầu chị Phạm Thị Thu P cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, chị Phạm Thị Thu P, anh Diệp Minh L hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, chị Phạm Thị Thu P, anh Diệp Minh L có thể thỏa thuận việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, P thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không có nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

5. Về án phí:

Chị Phạm Thị Thu P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số tòa án số 0001116 ngày 26/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre là đủ.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi cư trú.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự ^(2b) ;
- TAND tỉnh Bến Tre ^(1b) ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND huyện Mô Cày Nam ^(1b);
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Nam ^(1b);
- UBND xã Hương Mỹ ^(1b);
- Lưu HS, VP ^(2b) TC:8b .

Trần Thị Thu Trang

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

